TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2021/DS-PT

Ngày 21 - 10 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng

dịch vụ pháp lý và hứa thưởng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2021/DS - PT ngày 14/7/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý và hứa thưởng". Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132a/2021/QĐ - PT ngày 17/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty luật TNHH D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Bùi Thị M – Sinh năm 1991. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Đường PH, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc T – Sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn NT, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã TTL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị L1; địa chỉ: Thôn NT, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, ủy quyền cho ông T.

Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã TTL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty luật TNHH D, bị đơn ông Nguyễn Khắc T.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/04/2014, Công ty Luật TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty Luật) và ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L1 ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D để Luật sư Công ty Luật hỗ trợ pháp lý cho ông T, bà L1, trong quá trình giải quyết tranh chấp đền bù tái định cư tại thôn NL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk và diện tích đất tại lô C2 tiểu khu 300. Trong các điều khoản hợp đồng có quy định về phần phí và thù lao Luật sư như sau:

"Điều 4: Phí dịch vụ, thù lao luật sư.

4.1 Phí dịch vụ và thù lao luật sư thực hiện các công việc tại Điều 1 của Hợp đồng này là 20.000.000 VNĐ (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng Việt Nam)

Phí này được chuyển giao thành các đợt như sau:

Đợt 1: Bên A có nghĩa vụ thanh toán 20.000.000đ ngay khi các bên ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, vì tình hình kinh tế khó khăn bên A chuyển giao trước 10.000.000đ cho bên B ngay khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Đợt 2: Số tiền 10.000.000đ bên A có trách nhiệm thanh toán thêm khi bên A được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

Phí và thù lao trên được chuyển giao ngay sau khi Hợp đồng này được ký kết và theo tiến độ thoả thuận mà không hoàn trả lại với bất kỳ lý do gì.

4.2 Ngoài ra, phí dịch vụ và thù lao luật sư được xác định thêm cho bên B trong các trường hợp cụ thể sau:

Trường hợp đàm phán, hoà giải thành công, hoặc tiến hành khiếu nại, khởi kiện công nhận quyền và lợi ích hợp pháp của bên A bằng biên bản làm việc, quyết định, bản án của các cấp có thẩm quyền giải quyết, bên A nhận được tiền hoặc tài sản bồi thường hỗ trợ (Bất động sản hoặc tiền mặt). Bên B được thưởng

thêm 50% giá trị tiền bồi thường (Theo giá trị thời điểm có bản án, quyết định, biên bản làm việc) mà bên A được thụ hưởng.

Số tiền 10.000.000đ và chi phí phát sinh sẽ được bên B khấu trừ vào giá trị phí thành công mà bên A nhận được từ cơ quan có thẩm quyền"

Trong quá trình giải quyết vụ việc, theo yêu cầu nhận đất tái định cư của ông T, trong bản khai tại trụ sở văn phòng Công ty luật TNHH Luật D chúng tôi đã nhiều lần bay vào làm việc với UBND huyện KB để yêu cầu cấp đất tái định cư cho gia đình ông T. Công ty đã tự bỏ chi phí công tác của luật sư trong quá trình giải quyết vụ việc cho gia đình ông T. Sau 04 năm có Luật sư của công ty đồng hành, gia đình ông T đã nhận được đất tái định cư tại thôn X, xã CN, huyện KB thể hiện tại GCNQSD đất số BQ 830995 do UBND huyện KB cấp ngày 14/09/2018 tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7 m^2.

Ngoài ra Luật sư công ty chúng tôi đã hỗ trợ các thủ tục khởi kiện hành chính đến Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu tuyên bố hành vi tháo dỡ nhà ở, tài sản trên đất của UBND xã CK và UBND huyện KB là trái pháp luật; đồng thời yêu cầu được đền bù giá trị đất và tài sản gắn liền với đất bị tháo dỡ là 642.968.000đ. Dù nhận thấy yêu cầu khởi kiện không đủ cơ sở nhưng theo mong muốn của ông Nguyễn Khắc T chúng tôi vẫn hỗ trợ đến cùng. Tuy nhiên, ngày 31/05/2019 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy chúng tôi đã hoàn thành công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết với ông Nguyễn Khắc T, bà Bùi Thị L1. Tuy nhiên, ông T không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thanh toán chi phí và thù lao cho công ty Luật D.

Ngày 21/09/2018, Luật sư công ty Luật và ông T đã làm biên bản xác nhận công việc, trong biên bản nêu rõ: "Thoả thuận tại Điều 4 của Hợp đồng, ông Nguyễn Khắc T cùng gia đình có nghĩa vụ chuyển nhượng cho Công ty Luật D ½ thửa đất hoặc thanh toán cho Công ty ½ giá trị đất theo giá thị trường. Công ty luật đề nghị ông chuyển nhượng hoặc thanh toán cho công ty ½ thửa đất hoặc giá trị đất nêu trên trong vòng 30 ngày kể từ ngày ông T nhận được sổ đỏ". Cho đến nay, công ty đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ, thù lao như cam kết. Gần đây nhất chúng tôi đã gửi công văn số 12/CV-D, ngày 13/01/2020 cho ông T nhưng ông T vẫn chây ỳ không chịu thanh toán theo như thoả thuận tại hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D. Vì vậy, Công ty Luật TNHH D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện KB giải quyết: Buộc ông Nguyễn Khắc T phải chuyển nhượng ½ diện tích thửa đất hoặc thanh toán ½ giá trị thửa đất theo giá thị trường tại thời điểm Toà án nhân dân huyện KB định giá tài sản đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ 172, diện tích 256,7 m^2, địa chỉ: Thôn 6,

xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ830995 do UBND huyện KB cấp ngày 14/09/2018.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH luật D. Ông T thừa nhận vào ngày 21/04/2014, ông có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D để luật sư công ty luật D hỗ trợ pháp lý cho ông trong quá trình giải quyết tranh chấp đền bù tái định cư tại thôn NL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk và diện tích đất tại lô C2 tiểu khu 300 và các điều khoản về thù lao luật sư như trong hợp đồng. Nhưng quá trình giải quyết, hỗ trợ pháp lý cho gia đình ông, công ty Luật TNHH D chưa làm đúng như trong cam kết, cụ thể:

Đối với các nội dung mà ông yêu cầu phía công ty Luật mới chỉ gọi là trợ giúp ông việc đi lại làm thủ tục khiếu nại các cấp để được cấp đất tái định cư, khi UBND huyện KB cấp đất tái định cư cho gia đình ông thì gia đình ông vẫn phải đóng tiền sử dụng đất với số tiền 266.968.000đ, như vậy về mặt pháp lý là phía công ty chưa hoàn thành nghĩa vụ, vì ông vẫn phải đóng tiền sử dụng đất, số tiền trên là quá nhiều so với điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông trong khi đất được giao là đất tái định cư và được nhà nước hỗ trợ. Còn đối với khiếu hiện hành chính UBND xã CK, UBND huyện KB khi tháo dỡ nhà ở tài sản trên đất tại thôn NT, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, thuộc Lô C2, tiểu khu 300 nhưng không bồi thường tài sản khi tháo dỡ thì phía công ty Luật chưa hoàn thành vì Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có Quyết định đình chỉ vụ kiện theo Quyết định đình chỉ số 15/2019/QĐST-HC ngày 31/5/2019. Sau đó ông có kháng cáo quyết định trên nhưng phía công ty Luật không tham gia giải quyết tại Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Như vậy, là khối lượng công việc mà phía công ty Luật hỗ trợ chỉ hoàn thành một phần nhỏ trong các nội dung tôi yêu cầu hỗ trợ. Do phía công ty Luật chưa hoàn thành các nội dung đã cam kết trong hợp đồng pháp lý và giấy uỷ quyền nên ông chỉ đồng ý thanh toán số tiền chi phí là 20.000.000 đồng đã thoả thuận, khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng ông đã thanh toán thì ông T sẽ thanh toán tiếp 10.000.000 đồng còn lại. Ngoài ra ông T không đồng ý thanh toán gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 trình bày như sau:

Việc ông T chồng bà ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý và ủy quyền cho công ty luật TNHH D là sự thật (tất cả hồ sơ đã gửi cho công ty Luật). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty luật TNHH D không làm đúng nội dung yêu cầu. Nên việc Công ty Luật TNHH D khởi kiện ông Nguyễn Khắc T là không có cơ sở. Do khoảng cách địa lý xa xôi, kinh tế khó khăn nên bà L1 ủy quyền cho ông T thay mặt bà tham gia tố tụng, mọi ý kiến của ông T cũng là ý kiến của bà L1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39 và điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 điều 468, các điều 513, 515, 519, 570, 572 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 4 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Khắc T phải trả cho Công ty Luật TNHH D số tiền là 240.387.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2021 bị đơn ông Nguyễn Khắc T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 14/5/2021 nguyên đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp sơ thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: Buộc ông T phải thanh toán cho Công ty TNHH D giá trị ½ thửa đất số 76, tờ bản đồ số 172, diện tích 256,7m^2 tại xã CN, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk theo biên bản định giá ngày 17/8/2019 tương đương với 400.000.000đ và lãi suất chậm trả.

Ngày 08/6/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk gửi cho Tòa án quyết định kháng nghị phúc thẩm số 604/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/6/2021 với nội dung: Cấp sơ thẩm không xem xét đến nghĩa vụ thuế mà Công ty phải chịu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T; khấu trừ 10.000.000đ tiền chi phí dịch vụ cho công ty là không đúng; tính sai lãi suất ông T phải chịu; không giải quyết triệt để vụ án, tuyên án chưa rõ ràng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Luật D, chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện KB.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo hợp lệ. Do đó vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Vào ngày 21/4/2014 Công ty luật TNHH D và ông Nguyễn Khắc T ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D để luật sư công ty luật D hỗ trợ pháp lý cho ông T, bà L1 đồng thời ông Nguyễn Khắc T đã ký giấy uỷ quyền số 2104/2014/UQ-D ngày 21/04/2014 để Công ty luật TNHH D thực hiện hỗ trợ pháp lý, việc các bên ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, hợp đồng được các bên thừa nhận về nội dung.

[2.2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thấy rằng:

Tại Điều 4 của Hợp đồng dịch vụ có thể hiện: "*Phí dịch vụ và thù lao luật sư thực hiện các công việc tại Điều 1 của Hợp đồng này là 20.000.000 VNĐ*" và "*Trường hợp đàm phán, hoà giải thành công, hoặc tiến hành khiếu nại, khởi kiện công nhận quyền và lợi ích hợp pháp của bên A bằng biên bản làm việc, quyết định, bản án của các cấp có thẩm quyền giải quyết, Bên A nhận được tiền hoặc tài sản bồi thường hỗ trợ (Bất động sản hoặc tiền mặt). Bên B được thưởng thêm 50% giá trị tiền bồi thường (Theo giá trị thời điểm có bản án, quyết định, biên bản làm việc) mà bên A được thụ hưởng".*

Đối với các khoản phí thù lao trên thì hai bên đều xác nhận nội dung trên là có thật, đồng thời các bên đều thừa nhận việc ông T đã thanh toán số tiền 10.000.000đ và còn lại số tiền phí 10.000.000đ. Do đó, cần buộc ông T thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ còn thiếu và lãi suất chậm trả là phù hợp.

Nguyên đơn căn cứ vào biên bản làm việc ngày 21/9/2018 có nội dung: "Theo thỏa thuận của hợp đồng ông Nguyễn Khắc T cùng gia đình có nghĩa vụ chuyển nhượng lại cho Công ty luật D ½ thửa đất hoặc thanh toán ½ giá trị đất theo giá thị trường" để yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán cho nguyên đơn số tiền 400.000.000đ tương đương với giá trị đất tại thời điểm cấp sơ thẩm thẩm định, định giá tài sản. Tuy nhiên, xét thấy tại biên bản làm việc này, các bên chỉ thỏa thuận về giá trị thửa đất theo giá thị trường mà không xác định rõ giá thị trường của thửa đất vào thời gian nào. Trong khi đó, đối chiếu theo thỏa thuận tại mục 4.2 của hợp đồng dịch vụ pháp lý (bút lục số 15) thì các bên thỏa thuận số tiền ông T phải thanh toán cho nguyên đơn là ½ giá trị thửa đất tại thời điểm ông T được công nhận quyền sử dụng đất (tức là tại thời điểm tháng 9 năm 2018 – thời điểm ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Sau khi xét xử sơ thẩm xong ngày 27/09/2021 công ty Luật cung cấp biên bản làm việc giữa ông Nguyễn Khắc T và công ty luật D vào ngày 30/10/2018 (Bản công chứng), nội dung biên bản này khác với nội dung biên bản làm việc ngày 21/9/2018, phía ông T không thừa nhận có biên bản này, phía công ty Luật cũng không cung cấp được bản gốc để chứng minh. Hơn nữa tại đơn khởi kiện của công ty Luật ngày 13/02/2020 thì công ty Luật căn cứ vào hợp đồng dịch vụ số 2104/2014/HĐ-D ngày 21/4/2014 Công ty luật TNHH D và ông Nguyễn Khắc T và biên bản làm việc ngày 21/9/2018 giữa các bên nên cấp sơ thẩm xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi đơn khởi kiện là đúng pháp luật nên việc công ty Luật cung cấp biên bản làm việc giữa ông Nguyễn Khắc T và công ty luật D vào ngày 30/10/2018 (Bản công chứng) là chưa đủ căn cứ và ngoài phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm. Nếu Công ty Luật khi có đủ căn cứ thì có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 17/08/2020, của Hội đồng định giá, thì giá thị trường đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ 172, diện tích 256,7 m^2 vào thời điểm năm 2018 có giá 400.000.000đ (bút lục 104). Bên cạnh đó, tại biên bản thỏa thuận ngày 21/9/2018 giữa ông T và Công ty Luật, các bên có thỏa thuận về thời hạn thanh toán là *"30 ngày kể từ ngày ông T nhận được sổ đỏ (ngày nhận vào 21/9/2018)"*, tức là thời hạn thanh toán được tính từ ngày 22/10/2018. Đồng thời, cũng tại biên bản thỏa thuận này các bên còn thỏa thuận về tiền sử dụng đất như sau: *"Đối với phần nợ tiền sử dụng đất 266.986.000đ (Hai trăm sáu mươi sáu*

triệu, chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng) là mỗi bên phải chịu một nửa tiền". Số tiền này hiện tại ông T đang nợ đối với nhà nước nên chấp nhận kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk để buộc công ty luật phải thanh toán bù trừ nghĩa vụ cho ông T ½ số tiền 266.986.000đ.

[2.3]. Về lãi suất chậm trả, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Cấp sơ thẩm cho rằng các bên không thỏa thuận lãi suất của khoản tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là không có căn cứ bởi lẽ: Tại Điều 5 của hợp đồng dịch vụ pháp lý (bút lục 15) có thể hiện: *"Quá thời hạn trên mà bên A chưa thanh toán thì bên B có quyền tính lãi quá hạn theo lãi suất của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm thanh toán"*.

Tại Công văn số 547/CV-ĐLA-KT ngày 23/7/2021 của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chí nhánh Đắk Lắk thể hiện: Lãi suất trong hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân từ tháng 10/2018 đến tháng 04/10/2020 là 12%/năm; lãi suất trong hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân từ ngày 05/10/2020 đến nay là 11%/năm. Mức lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn theo quy định của Vietcombank là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Vì vậy, lãi suất chậm trả mà ông T phải thanh toán cho Công ty Luật từ ngày 22/10/2018 đến ngày 07/5/2021 được tính như sau:

+ Lãi suất từ ngày 22/10/2018 đến ngày 04/10/2020 là 01 năm, 11 tháng, 12 ngày (707 ngày) = (210.000.000đ x 150% x 12% x 707 ngày) : 365 ngày = 73.218.082 đ (Làm tròn)

+ Lãi suất từ ngày 05/10/2020 đến ngày 07/5/2021 là 07 tháng 02 ngày (212 ngày) = (210.000.000đ x 150% x 11% x 212 ngày) : 365 ngày = 20.125.479đ (Làm tròn).

Tổng lãi suất là: 73.218.082 đ + 20.125.479đ = 93.343.561đ

[2.4]. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 210.000.000đ + 93.343.561đ = 303.343.561 - 133.493.000đ = 169.850.561đ. (133.493.000đ là ½ phần nợ tiền sử dụng đất 266.986.000đ).

[2.5]. Xét kháng cáo của ông T về việc ông cho rằng phía Công ty Luật không thực hiện hết nghĩa vụ trách nhiệm, của mình nên ông chỉ đồng ý thanh toán cho ông phía Công ty Luật 10.000.000đ tiền chi phí dịch vụ cho luật sư là không có căn cứ, bởi lẽ: Trước thời điểm năm 2014, hộ ông T chưa có quyết định cấp đất tái định cư, sau khi ủy quyền cho Công ty luật TNHH D tham gia hỗ trợ về thủ tục pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số 2104/2014/HĐ-D, bằng công tác tư vấn, hỗ trợ văn bản và thay mặt ông T, bà L1 trực tiếp làm việc với cơ quan có thẩm quyền là UBND huyện KB, nên gia đình ông T đã được cấp đất tái định cư theo GCNQSD đất số BQ 830995 do UBND huyện KB cấp ngày 14/09/2018, như vậy nghĩa vụ của phía công ty Luật đã hoàn thành, việc gia đình ông T phải đóng

thuế đối với thửa đất trên là đúng quy định của pháp luật đất đai (phần thuế mà Công ty Luật phải đóng theo như thỏa thuận của các bên đã được Tòa án trừ vào số tiền Công ty luật được nhận ở trên). Đối với yêu cầu hỗ trợ pháp lý trong vụ kiện hành chính Công ty Luật đã hỗ trợ cho ông T khởi kiện hành vi hành chính tại Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, việc đình chỉ vụ án không phải do lỗi của Công ty luật TNHH D; đối với việc kháng cáo quyết định đình chỉ tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, ông T không cung cấp chứng cứ để thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty Luật trong vụ án này và ông T cũng không ủy quyền cho Công Luật thực hiện.

[2.6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về nội dung: Cấp sơ thẩm tuyên án không rõ ràng, giải quyết vụ án chưa triệt để, HĐXX thấy rằng: Tại biên bản làm việc ngày 21/9/2018 có thể hiện Công ty luật D có giữ của ông T 01 giấy CMND, 01 sổ hộ khẩu (bản gốc) của ông T nhưng nội dung này cấp sơ thẩm không buộc Công ty luật trả lại cho ông T là thiếu sót. Đồng thời tại bản án sơ thẩm số 14/2021/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk không ghi rõ bác một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn tại phần quyết định của bản án. Do đó, cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX phúc thẩm thấy cần: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, tức là (5% x 169.850.561đ) = 8.492.528đ. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là (400.000.000đ - 169.850.561đ) x 5% = 11.507.472đ (Làm tròn).

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Khắc T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D.

Buộc ông Nguyễn Khắc T phải trả cho Công ty Luật TNHH D số tiền 169.850.561đ (Một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn năm trăm sáu mốt đồng).

Buộc Công ty Luật TNHH D phải trả cho ông Nguyễn Khắc T 01 chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu (đều là bản gốc) mang tên ông Nguyễn Khắc T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Luật TNHH D đối với số tiền 230.149.439đ.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty Luật TNHH D phải chịu 11.507.472đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0006472 ngày 11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Khắc T phải chịu 8.492.528đ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Luật TNHH D và ông Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Công ty Luật TNHH D được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0003593 ngày 28/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Khắc T được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0003594 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

[4]. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện KB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần